

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

như Michel Servet và về sau như Swedenborg.

• Sama-giáo

Chamanisme^F - Shamanism^A - Tập hợp của nhiều thực thi (đúng hơn là tôn giáo* thực sự) chung cho tất cả các dân tộc khác nhau ở vùng địa cực Mỹ châu, Bắc Á và cả Trung Á. Được liên kết như một hệ thống tôn giáo, Sama giáo được xây dựng trên một khái niệm về các Thần linh* chủ của thiên nhiên và trên cá tính của những vật thể thượng đẳng có khả năng thiết lập những liên hệ giữa người và thế giới Thần linh. Đó là những sama (hay chaman, shaman, hay sama, gam và angskok nơi dân Esquimaux ở địa cực). Danh từ này phát xuất từ tiếng Phạn sramana, từ tiếng Pali là samana có nghĩa là người được Thần linh gọi cảm. Những sama được nhắc đến lần đầu tiên vào thế kỷ thứ XIII bởi những người Na Uy nơi dân Lapon và bởi Avvakum, người đã thấy họ tại Tây Bá Lợi Á vào thế kỷ XVII. Khi họ lên đồng, họ có thể xuất quỷ nhập thần, phát huệ nhãn và có thể xê dịch trong thế giới thần thoại*. Trên nguyên tắc thì nhiệm vụ của họ rất từ thiện; họ có thể hoá giải những hồn ma bất hảo và chữa được các bệnh tật. Họ có những thần hộ mạng và tùy theo các thần thoại ở các dân tộc Trung Á hay Mỹ châu, gốc gác của họ cũng ít được giải thích. Họ sống trong sự siêu nhiên đã làm ngăn cách họ với giới thường dân. Được chọn lựa bởi những linh hồn* mạnh mẽ (*les âmes fortes*) bằng sự tuyển chọn siêu nhiên hay bằng sự bố hóa*, thường là từ một tổ tiên sama đầu thai, người thấy được các cảnh giới trên trời và dưới địa ngục*, phải tuân thủ sự chỉ dẫn của một giáo chủ* và chịu sự thử thách, phải chay* lạc, chịu những giới cấm* đã có từ sự nhập môn mà nghi lễ mỗi dân tộc mỗi khác. Một loại Thánh lễ đem họ vào tổ chức, tại đây họ thường nêu ra một trạng thái mới. Lúc đó họ nhận một bộ lễ phục và một cái trống, đó là những vật dụng quyền pháp của họ. Các buổi cầu đồng sama thường diễn ra ban đêm bên cạnh một lò lửa, người sama lay động những vật dụng của họ, ca hát, uống rượu và nhảy múa, tiếp xúc với thế giới Vô hình, mô tả và diễn xuất trầm lắng cuộc hành trình của họ vào thế giới thần thoại mà họ đã đi qua và làm nhiệm vụ bói toán*, trừ tà* hay chữa bệnh. Vốn bị ám bởi những Thần linh đối nghịch nhau, thiện có, ác có, họ vừa là đối tượng của kinh

S

• Sabbat

Nguyên gốc Do Thái shabbat có nghĩa là sự nghỉ ngơi, ngày thứ bảy trong tuần, ngày mà Chúa được tuyên dương là đáng Chúa Tể Càn Khôn Vũ Trụ*. Theo lời dạy của Mười điều răn* (mà Moïse* đã nhận từ Chúa trên núi Sinai), người Do Thái phải ngưng tất cả mọi việc làm và chăm lo việc cúng* lễ; ngày sa bát là ngày cầu nguyện* và nghỉ ngơi, mà dù có những cải cách để thích nghi với nếp sống mới, nó vẫn tồn tại trong trung tâm cuộc sống tôn giáo*. Bắt đầu từ chiều thứ sáu, sau khi mặt trời lặn, nó được cử hành trong gia đình: người ta đốt nến và nói: "Cầu Chúa ban ơn!". Chủ nhà van vái Chúa: "Chúng ta hãy vang danh Chúa..." và cũng nơi nhà thờ Do Thái có sự cúng lễ. Ngày sa bát chấm dứt vào buổi hoàng hôn thứ bảy hàng tuần.

• Sabellius-giáo đồ

Sabelliens^F - Sabellians^A - Giáo phái* của Sabellius vào thế kỷ thứ III tại La Mã, có thể xuất phát từ xứ Lybia. Ông này phủ nhận thực thể Chúa Ba Ngôi* là ba người khác nhau mà xác quyết chỉ có một người dưới ba dạng khác nhau: Chúa cha, Chúa con và Thánh Thần*. Ông đã bị tù đầy, nhưng ông vẫn có những môn đệ theo chủ nghĩa ông và hiện diện vào những thời kỳ khác nhau; như Abelard,

Đông Tân

hoàng và vừa được tôn vinh ca ngợi, điều làm cho họ có quyền lực và uy thế.

• sa mạc

désert^F - desert^A - Sa mạc địa dư, một vùng rộng rãi với nổi mênh mông cô quạnh trong các lục địa khác nhau, luôn luôn được các linh hồn* tìm đến bởi ham chuộng sự vắng vẻ im lặng, nhưng đối với Cơ Đốc giáo* thì những sa mạc ở Ai Cập và Palestine đã lôi cuốn rất sớm những người mộ đạo muốn xa lánh cuộc đời để trầm tư mặc tưởng* theo gương đức Jésus* và Saint Jean Baptiste*. Phần đông những người ẩn cư thường sống trong hang động và các chòi với sự hội họp trong cuộc sống tu hành* là nền tảng của nếp sống đạo Cơ Đốc. Chính trong số những người này mà người ta tìm ra những người học tập Kinh Thánh* thường gọi là các Cha vùng sa mạc. Các hội đoàn khổ hạnh rời những tu viện* rất nhiều trong sa mạc cho đến khi có người Hồi giáo* tìm đến, nhưng nhiều tu viện lễ nghi* Hy Lạp vẫn tồn tại, giữ được tươi thắm mối tình với sa mạc. Cha Foucault lại tìm ra tiếng gọi này của sa mạc trong tâm linh. Cuộc sống tu hành của cả châu Âu thường không thích hợp với người tu vốn đi tránh nợ đời, họ tìm đến sự cô đơn hơn. Về phía người Tin Lành cũng có nếp sống trong sa mạc với những kỷ vật thiết lập trong một viện bảo tàng gọi là bảo tàng sa mạc tại Pháp.

• Sa Nặc

Channa^P - 沙匿 - Người giữ ngựa tại hoàng gia Ấn Độ thời vua Tịnh Phạn Vương đã theo thái tử Siddhartha trên đường xuất hoàng cung tầm đạo.

• sách

Le livre^F - The book^A - Người ta gọi tôn giáo* của sách thánh những tôn giáo độc thần lớn phát xuất từ Kinh Thánh*: Do Thái giáo*, Cơ Đốc giáo* và Hồi giáo*. Mỗi tôn giáo này ứng hiện một trong ba đức tính thần học* như Hồi giáo thì chủ về đức tin*, Cơ Đốc giáo chủ thì về lòng nhân ái và Do Thái giáo chủ về hy vọng.

• Sách Phàn Cao Đài giáo

Một sưu tập của ông Nguyễn khắc Bích, Ngọc Chương Pháp* thuộc Hội Thánh Bến Tre* trước 1975 nói về giáo lý* Cao Đài* nhưng vì quá sơ

tầm nên nội dung chứa nhiều sắc thái của các tôn giáo* khác nhau hơn là chuyên trách về tinh thần Vạn giáo Nhất lý của Cao Đài giáo*.

• Sám Hối kinh

oraison de repentance^F - orison of repentance^A - Ăn năn vì tội lỗi đã gây ra. Trong Cao Đài giáo* có bài kinh Sám Hối bằng tiếng Việt thơ song thất rất dài do các Hội Thánh* ban hành cho chư tín hữu tụng niệm* để mong được chế giảm tội tình. Truy nguyên thì bốn kinh này xuất phát từ chi Minh Lý* và đã được thỉnh do các nhà lãnh đạo cơ Phổ Độ* ban đầu. Tuy nhiên, bốn kinh xem ra có nhiều tư tưởng thu nhập theo các huyền thoại cựu giáo* đã có như các hình phạt ghê rợn ở Thập điện Diêm cung* mà kinh Đại Thừa Chơn Giáo* đã phủ nhận. Sự việc này đã có xảy ra nơi Tòa Thánh Tây Ninh* năm 1939. Nguyên Giáo Sư Lê văn Bảy* được giao cho sứ mạng phổ thông chơn đạo Bắc Việt đã đến Hà Nội năm 1937 và đã phổ độ* một số tín đồ khắp các tỉnh Bắc Việt. Một số đạo hữu tại đây có nhận quyển kinh Sám Hối từ Tây Ninh và đã nêu lên vài thắc mắc trong đó bằng một văn thư gửi ông Hộ Pháp Phạm công Tác* về câu mở đầu:

Cuộc danh lợi là phần thưởng quý,

Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn...

Lòng đừng so thiệt tính hơn

Ngày đêm than thở dạ hồn ích chi!

và đã hỏi nếu thế thì tu làm gì?

Thay vì giải đáp sự thắc mắc ấy, ông Tác nổi giận và cho là do ông Bảy làm loạn nên mới có việc này và ông liền đình chỉ công tác ông Bảy khi đang truyền đạo ở Vân Nam (*Trung Hoa*), giáng cấp xuống tín đồ và cắt luôn tiền trợ cấp, buộc lòng ông Bảy phải tìm phương tự túc trở về Sài Gòn (*theo tài liệu của Phạm tài Doan*). Cho nên phần Vô Vi* không sử dụng quyển kinh này. Người am tường thì cho rằng quyển kinh này tuyên truyền huyền thoại của Phật giáo* không thích dụng với người tu hiện nay khi mà thế giới Vô hình đã mở toang cánh cửa cho kẻ thiện căn* tu học một cách trực tiếp với những hiện tượng có thật chứ không phải do con người tạo ra bằng những tưởng tượng không đầu chỉ tổ cho sự mê tín mà thôi.

• sáng tạo

création^F - creation^A - Hành động rút ra từ khoảng không. Những vấn đề liên quan đến sự sáng tạo

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

bao gồm vừa sự sáng tạo của loài người (và từ đó có một loại triết học* của hành động, đặc biệt của nền triết học mỹ thuật) đồng thời với sự sáng tạo Vũ trụ phát xuất từ một Thượng Đế*. Người ta phân biệt một quan niệm trí thức và sự sáng tạo theo đó sự thực hiện cần đến một lý tưởng hay một kiểu mẫu (quan niệm Do Thái - Cơ Đốc giáo* về sự sáng tạo và sự biểu diễn cổ điển của sáng tạo nghệ thuật) và một quan niệm về ý chí* theo đó ý tưởng về một vật được tạo ra, sinh ra và phát triển trong cả phần vận dụng của sự thực hiện. Alain nói: "Những dự kiến chỉ nảy ra trên bản thảo" (*Les projets ne poussent que sur l'ébauche*). Nhìn về phương diện tâm lý, khái niệm sau này ứng với tính chất của hành vi (*Sáng tạo theo một kiểu mẫu không phải là nghệ thuật mà là kỹ nghệ - Alain*). Nhìn về phương diện thần học*, khái niệm này kính trọng quyền tối thượng của Thượng Đế mà.

• sanh linh

créatures^F - living beings^A - 生軀 - Chỉ chung các loại sinh vật có hồn đang tấn hóa, thường chỉ loài người hơn là các loại hạ đẳng.

• sát na

Ksana^P - 刹那 - Thuyết Phật gọi sát na là nháy mắt, chỉ cái thời gian cực ngắn. Sát na vô thường* lấy thí dụ mà nói như một thác nước đổ xuống, lớp trước vừa thoáng qua lớp sau đã đổ xuống, không một chút nước nào đình trụ lại một sát na, cũng không có một thể nước với nhau. Vạn vật đều từ sát na sinh diệt biến hóa, không một giây thời gian nào mà nó đồng một thái độ được. Ta buổi sáng với ta buổi trưa và ta buổi chiều không phải cùng là một ta, thậm chí trong một sát na có đến 900 lần sinh diệt, nó còn là 1/90 của một niệm. Kể như thế cũng khá phi thường bởi xác định được cái số lượng như thế mà không cần có dụng cụ đo lường như các nhà khoa học* hiện nay đã làm để xác định một micron = 1/1000 millimét. Cho nên các nhà sư đã đưa ra lối đo lường như trên quả siêu hơn các nhà khoa học ngày nay, điều mà các nhà Nho từ nghìn xưa đã phủ nhận giá trị đạo học* của nó qua câu: *tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri!* có nghĩa là cái gì mình biết thì gọi là biết, còn không biết thì gọi là không biết thì đó là biết vậy. Còn ngồi nhắm mắt mà nghĩ ra chân lý* này chân lý nọ thì có khác

gì người mù sờ voi như thường tình thế gian vậy thôi.

• sát sanh

tuer les êtres vivants^F - to kill living beings^A - 殺生 - Giết sinh vật vô cớ. Trong ngũ giới cấm*, giới sát sanh là giới đầu tiên. Người giết sinh vật vô cớ là tự mình phản lại quyền sống của mình, là làm mất đi lòng nhân vốn là nền tảng của mọi đức tính tốt nơi con người, căn bản của mọi yếu lý tu học. Cho nên đức háo sanh đã được ban cho mọi sinh vật từ Thượng Đế* mà còn tạo ra những luận cứ háo sát như *vật dưỡng nhơn* là đi sai với đường lối tu học để lạc lăm vào hàng tà đạo, ngược lại với đạo đức* nhân bản. Lại nữa, người tu học mà còn nuôi dưỡng thân xác mình bằng thể xác của loài vật thì cũng khó mà có được một Thánh thể theo nghĩa đúng của nó làm ảnh hưởng đến sự đời luyện linh hồn* và cũng cản trở mức trong lành cần thiết cho sự tấn hóa đi vào cuộc sống vĩnh cửu.

• Satan

Thần cầm đầu các Thần phản loạn của thời Sáng Thế đã trở thành loại quỷ sanh từ người thường xuất hiện trong Kinh Thánh*. Satan là loại quỷ cám dỗ dưới hình thù con rắn bên cạnh bà Eva*, nó cám dỗ đến cả đấng Christ* trong sa mạc. Kẻ thù của Chúa và Giáo hội, nó được tôn thờ bởi các tay phù thủy* còn gọi là thuyết Satan. Nó là nguyên lý của tội ác, nó cũng còn được gọi là "*hoàng tử của thế giới này*", "*hoàng tử của bóng tối*", "*Beelzebub*", "*Belial*", "*kẻ xấu*", "*loại cám dỗ*", "*chúa quỷ*", "*quỷ ăn thịt người*", "*méphisto*", "*Diêm Vương*". Trong Hồi giáo*, Iblis tương đương với Satan. Bị đuổi khỏi Thiên đàng, nó đi lưu lạc đây đó cho đến ngày tận thế*. Trong lịch sử Cao Đài giáo*, phần Vô Vi* có kể câu chuyện phù phép* và qua sách Vạn Pháp Quy Tông của Minh Sư* mà đức Ngô Minh Chiêu*, lúc đó ngụ tại số 110 đường Bonard (sau là đường Lê Lợi) đã triệu được con quỷ hình thù to lớn nanh vuốt lộ ra vào một tối, để xem thử mức độ thực nghiệm của kinh điển có đúng không, có thể đó là quỷ Satan mà quan niệm Đông phương* gọi là quỷ Dạ Xoa* chăng?!

• sắc giới

monde pondérable^F - ponderable world^A - 色界 -

Đông Tân

Phật giáo* gọi sắc là tất cả cảnh giới của thế gian, cái gì không thì ngược lại với sắc. Nhưng trong kinh Phật lại lẫn lộn nhau danh từ này (*Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc - kinh Bát Nhã*) nên người ta dễ lầm lẫn như các nhà sư đã không xác định được sự hiện hữu của vũ trụ mà hai từ sắc không đã không thể hiện được gì. Phật gia đã hình hiện vũ trụ trong ba cảnh giới là dục giới*, sắc giới* và vô sắc giới* chỉ là một giả tưởng theo sự quan sát nông cạn của con người khi họ không sánh bằng hạt cát giữa sa mạc mênh mông hay một giọt nước ngoài đại dương thì không thể nào đi xa vào lòng vũ trụ một khi họ không được khái thị* để biết được cơ màu của Đấng Tạo Hóa thì với ngũ quan mờ mịt trong cái không sắc mù mịt kia chỉ tạo ra những huyền thoại không có nghĩa gì trong sự đi tìm Chân lý* vũ trụ. Vũ trụ dưới tầm quan sát của khoa học* ngày nay đã cho biết thực tại của phần vật chất gồm hai phần vũ trụ bao la của tinh vân không khác phần vũ trụ tế vi của nguyên tử, trong khi phần tâm linh vô hình thì vẫn mù tịt, như thế mà lại cần cho sự hiểu biết của con người hơn là những mơ hồ giả tưởng do các cụ giáo* đã bày ra.

• sắc pháp

forme matérielle^F - material form^A - 色法 - Thuyết Phật Đại Thừa (*Pháp Tướng tông**) cho rằng pháp tướng chia làm năm hạng: danh tướng phân biệt chánh trí chân như*. Từ đó chia pháp tướng ra làm 5 loại. Sắc pháp* là một trong 5 loại đó gồm 11 thứ: nhãn căn, nhĩ căn, tỉ căn, thiệt căn, thân căn, sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần, pháp sở nhiếp sắc. Thật là một phân tích khá tỉ mỉ cũng khá phức tạp, chỉ có các sư mới đủ thì giờ ngồi nhầm mắt mà nghĩ ra vậy.

• Schopenhauer. Arthur Schopenhauer (1788 - 1860)

Triết gia* Đức. Ông cho rằng ông không theo một trường phái triết học* nào cả (*nếu không muốn nói là khác biệt với triết học Ấn Độ và chống đối kịch liệt trường phái Hậu Kant* (Fichte* - Hegel*)*). Thật sự, nền triết học của ông về ý chí* như là nền tảng mô phỏng sự thể hiện của triết học Fichte. Vào năm 1833, ông trình luận án ở Iéna về số lũy thừa bậc 4 của nguyên lý hội đủ (*Quadruple Racine du*

Principe de la Raison Suffisante). Năm 1818, ông xuất bản tác phẩm chính *Monde Comme Volonté et Comme Représentation (Thế Giới theo Ý Chí và Biểu Tượng)*. Ông dạy học tại Bá Linh từ 1820 đến 1831, năm ông từ giã ngành giáo dục và sống lại những ngày thuộc về giới đại học. Lý thuyết về biểu tượng của ông, cảm hứng từ Kant, được xây dựng theo ông trên một khái niệm về sự ham sống xuất phát từ triết học Ấn Độ. Thuyết bi quan* của ông nối liền sự đau khổ vào cuộc sống đã đưa ông đến thuyết khắc kỷ. Luân lý của ông được thành lập trên tình thương xót là một sự kích bác đôi khi rất sâu sắc nền luân lý hình thức của Kant (*Thí Nghiệm về Tự Do và Ý Chí - 1839*).

• Sĩ Đạt Tha

Siddhartha - Túc thái tử con vua Tịnh Phạn nước Ấn Độ sau này là đức Thích Ca*.

• Sĩ Tải

Chức sắc* cấp thấp của cơ quan Hiệp Thiên Đài* do ông Hộ Pháp Phạm công Tác* đặt ra năm 1935, tương đương Lễ Sanh* bên Cửu Trùng Đài*.

• siêu phàm nhập thánh

désincarnation^F - disembodiment^A - 超凡入聖 - Kết quả của người tu học theo pháp môn* Vô Vi khi rời khỏi xác phàm đi vào cõi thần tiên, chỉ sự liễu đạo* minh mẫn của họ.

• siêu thoát

délivrance de l'au-delà^F - delivrance from the afterlife^A - 超脫 - Nói về trạng thái linh hồn* người chết* được nhẹ nhàng bên kia thế giới, không còn bị ràng buộc ở thế gian. Cũng chỉ tính chất cao siêu của tư tưởng giới ra ngoài phạm vi hạn hẹp của cuộc sống thế gian mà người thường không đạt được.

• Sikh-giáo

Religion des Sikh^F - Sikh Religion^A - Do tiếng phạn Sisya có nghĩa là môn đồ tôn giáo* ở Ấn Độ. Tín đồ tạo thành một giáo đoàn cải cách rộng rãi trong Ấn Độ giáo* do Nanak* (1469-1538) tạo thành từ đầu thế kỷ XVI trong miền Punjab. Kinh Granth*, Kinh Thánh của họ đã diễn tả giáo thuyết này, gần giống kinh Vedanta* ở nhiều điểm nghĩa là có những

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

khái niệm về luân hồi*, về Maya (thần lực), về quả báo và về sự tôn thờ một Guru* được đề cao đến tột đỉnh. Sikh-giáo đã chịu ảnh hưởng của Kabir (nhà cải cách tôn giáo có khuynh hướng Hồi giáo* từ nhỏ) và của người Hồi giáo. Tôn giáo này diễn tả tính độc nhất của Thượng Đế* nhưng nội tại nơi bất hoặc một biểu tượng sáng tạo nào nên Sikh-giáo cũng được xem như một Phiếm Thần giáo*. Người Sikh-giáo chống đối các giáo phái Ấn Độ, nhưng đã đi đến sự thành lập vào thế kỷ XVII một giáo phái chính trị và quân sự, một thứ giáo đoàn chiến tranh; những người trong sạch (*les purs*) phái Khalsa đã thuyết giảng một loại thánh chiến và tạo ra một kiểu rửa tội khởi đầu gọi là "rửa tội bằng guơm" (*le baptême de l'épée*). Sự thờ phụng* thì đơn giản. Nhà thờ chính Amritsar tạo dựng dưới thời vua Mông Cổ Akbar rất khoan dung, chỉ chứa đựng kinh AdiGranth và lưỡi guơm, đó là biểu hiện độc nhất của Sikh-giáo. Người Sikh* không uống rượu và không hút thuốc, nhưng xem thường sự khắc khổ. Họ để tóc dài cuốn thành búi được giữ lại trên đầu bởi một cái lược dưới một cái khăn và bộ râu quấn quanh quai hàm. Sau cái chết của ông Guru thứ X cũng là Guru cuối cùng Gobind Singh (1675-1708) đã có sự nứt rạn thành nhiều chi phái* na ná giống Ấn Độ giáo. Một trong những chi phái này đặc biệt huấn luyện lòng can đảm quân sự đã làm nổi tiếng các tín đồ Sikh-giáo về lòng dũng cảm của họ. Người Sikh đã từng tạo thành một quốc gia độc lập cho đến khi quốc gia này bị sát nhập vào Ấn Độ thuộc Anh. Sikh-giáo vẫn còn phồn thịnh nhiều ở vùng Pendjab, tuy nhiên sau những vụ đình công năm 1947 và sự phân chia của giáo đoàn, 6 triệu người Sikh còn sống ở Ấn Độ và 1 triệu ở tản mác khắp các thuộc địa Anh.

• Simon. Saint Simon (?)

Cần phân biệt nhiều Thánh Simon: - Simon Pierre*, môn đệ đáng Christ* đổi tên là Céphas (có nghĩa là đá), Simon le Pharisien đã đón nhận Jésus* nơi nhà ông, - Simon le Cyrénéen đã giúp Jésus mang Thánh giá khi từ nấm mộ đi lên, Simon le Magicien được nhắc tới trong sách Công Vụ các Sứ Đồ, đã sống tại Samarie và nổi tiếng về những pháp thuật*. Ông sau này đã làm lễ rửa tội, nhưng không lâu sau, ông đề nghị với Thánh Pierre là bán lại cho ông

các giáo quyền và các ân huệ đã được Thánh linh ban cho (từ đó có danh từ simonie được gán cho sự buôn bán các tài sản thần linh). Nhiều truyền thuyết và các sự kiện nặc danh kể lại những khám phá của Simon le Magicien khi tới La Mã và đã được tán thưởng. Có nhiều thuyết cho rằng ông là sáng lập viên của phái Trục quan* của nhóm Simonien.

• sinh

naissance^F - birth^A - 生 - Sự bắt đầu cuộc sống của một sinh vật trên mặt đất do các nguyên lý thiên nhiên* tạo thành phần căn cơ màu nhiệm* mà các cụ giáo* cũng như triết thuyết đều rao giảng mỗi nơi một cách khác nhau. Các thuyết tâm linh Âu châu gọi sự sinh tại thế gian là sự chết* ở cõi Vô hình. Ngược lại, sự chết ở thế gian là sự sinh nơi cõi Vô hình. Liên hệ sinh tử* ở thế gian đối với người thân tộc như thế nào thì nơi cõi Vô hình cũng có sự tham dự của những linh hồn* thân quyến như thế ấy. Thuyết Phật gọi sinh là một trong tứ khổ* (sinh, lão, bệnh, tử) cần phải dứt đi để thoát kiếp* luân hồi*. Cơ Đốc gọi sinh là phải mang tội tổ tông* và phải được chịu phép rửa tội* mới được về nước Chúa. Cao Đài giáo* thì cho rằng sự sinh là một định lệ của Vũ trụ màu nhiệm mà con người sinh ra tại thế gian là một trong những giai đoạn tấn hóa qua những lần thử thách nơi trường khảo duyệt* thế gian để tìm về ngôi xưa vị cũ vốn là cõi Vô hình nơi linh hồn vô nhiễm của họ từ đó mà ra đi. Cho nên với một người thường thì như thế con người chỉ có tội là do tự họ làm ra trong những lần thể xác tiếp xúc những ô nhiễm vật dục thế gian tích lũy mà thành chứ không do một tội lỗi tổ tông hay do nghiệp lực nào nếu không phải của họ tạo ra. Tuy nhiên dù trường hợp nào, con người sinh ra cũng đều mang một sứ mạng*. Đó là sự cảm thông trong Tiềm Lực Thiên Nhiên* cuộc sống bất diệt của Vũ Trụ. Cái sứ mạng này không phải là câu nói của Đồng Tân mà chính là sự tiếp nhận từ cõi Vô hình vào năm 1960 với những âm thanh vọng đến khi đang giảng bài cho học sinh tại một trung học ở Sài Gòn. (Xin xem Sứ mạng).

• sinh hoạt

vivant^F - living^A - 生活 - Sách Lý Thuyết Tổng Hợp* của Đồng Tân gọi sinh hoạt là một giác thức*

Đông Tây

bắt đầu cuộc sống của một sinh vật. Cho nên, mọi người không ai hỏi ai tại sao con vật mới sinh ra đã biết tìm mồi, trẻ nít mới sinh ra đã biết vò vú mẹ, tất cả đó là do môi trường thiên nhiên đã giáo hóa nó tự trong bào thai nên chính nó không lạ gì với sự kiện đó. Nhưng sinh hoạt ngoài là giác thức cần bản ban đầu là điều kiện cần thiết, nó còn đòi hỏi điều kiện đầy đủ nữa là hai giác thức bảo tồn* và giác thức tiến bộ* mới hội đủ lẽ sống còn trên mặt đất.

• Sinh lực

Force vitale^F - Vital force^A - Theo sách Thể Tính Học* thì Sinh lực là sự hiện diện đồng thời của hai phần Tinh lực* và Ngẫu lực* đã có từ Thực Thể* trong Vũ trụ* để tạo nên sự sinh tồn mà không biến dạng của vạn vật trong khoảng không gian vô biên và thời gian vô tận.

• sinh nhật

anniversaire de naissance^F - birthday^A - 生日 - Theo tập tục dân gian là ngày sinh của một người. Người Tây phương thì coi trọng ngày sinh nhật hàng năm trong khi người Đông phương* thì quan trọng ngày chết* gọi là ngày giỗ* (kỵ nhật) hàng năm hơn nên phải cúng* tế lễ* phẩm hương dâng trà quả và thức ăn uống như khi người còn sống. Nó đã trở thành tập tục truyền thống của người Đông phương đã có từ nghìn xưa theo đạo giáo của Nho giáo*. Trong Cao Đài giáo*, lễ sinh nhật* được cử hành tại Thiên bàn khi đứa bé sinh được ba ngày với ý nghĩa cầu cho linh hồn* đứa bé được sự dịu dặt phò trợ của các đấng Vô hình cho mau khôn lớn... nhưng sau đó không có kỷ niệm sinh nhật như theo tập tục Tây phương bởi quan niệm rằng giá trị cần truy niệm của một đời người là "*cái quan định mệnh*" chỉ biết đích thực sau khi họ chết còn khi họ đang sống thì chưa có gì để phải truy niệm cả. Nhưng mỗi nơi đều có cái lý lẽ của họ, kỷ niệm hàng năm lúc sống cũng có nghĩa mà để kỷ niệm hàng năm sau khi chết cũng có nghĩa, một đấng cho hiện tại còn một đấng cho quá khứ, nên cùng kỷ niệm sinh nhật thì cũng phải kỷ niệm tử nhật mới hoàn hảo.

• sinh tồn thuyết

Xem *hiện sinh thuyết*.

• sinh vật tự sinh

génération spontanée^F - spontaneous gene-ration^A
- 生物自生 - Từ nghìn xưa, người ta thường có quan niệm rằng những vi sinh vật tự nó không có nguồn gốc mà chỉ do cơ cấu vật chất chung quanh như rượu thành giấm, không phải từ một vi sinh vật nào cả, tự nhiên nó như thế. Cho nên, người chữa bệnh không cần khử trùng các dụng cụ và cũng không cần thay mũi kim chích từ người này sang người khác. Người ta cho rằng miếng thịt có giòi là vì tự miếng thịt sinh ra con giòi chứ không phải một nguyên nhân nào khác. Sự kiện này được một số bác sĩ ở Pháp vào thế kỷ XIX nhìn nhận đứng đầu là Pouchet, Joly và Musset. Ông Pasteur*, sau nhiều lần khảo sát bằng các quả khính cầu ở các độ cao khác nhau tại miền núi Maladetta, lại xác nhận có những vi sinh vật tạo ra các biến thể của vật chất như rượu thành giấm (*acit acetique*)... Ông cho rằng các vi sinh vật (*mycoderma*) có thể đem tác dụng làm nóng khí oxy trên một số lớn các cơ năng vật chất. Ông lại xác định nếu các vi sinh vật không có trên mặt địa cầu* thì mặt đất sẽ tràn đầy những cơ năng vật chất chết, những xác của đủ mọi loài vật (*động vật và thực vật*). Phần nhiều do chúng đã cho khí oxy phần nhiệt tính. Không có chúng, cuộc sống rất khó khăn bởi công việc của sự chết* không hoàn thành. Qua những thí nghiệm của Pasteur về các bệnh truyền nhiễm, ông xác nhận sờ dĩ như thế là do các vi sinh vật đem bệnh từ người này sang người khác. Pasteur mới lấy một miếng thịt cắt ra nhiều phần như nhau, rồi ông đem đặt một phần dưới chân núi, một phần giữa sườn núi và phần còn lại trên đỉnh núi. Thời gian sau, ông nhận thấy phần thịt dưới chân núi có rất nhiều giòi, trong khi phần ở sườn núi thì có ít hơn và phần trên đỉnh núi lại có rất ít. Ông kết luận như thế là bởi các vi sinh vật có trong không khí tác dụng vào miếng thịt như hạt giống được gieo xuống đất, từ đó sinh ra giòi trong miếng thịt. Cũng bởi số lượng phôi chủng vi sinh vật ở gần mặt đất nhiều hơn trên các tầng không khí nên miếng thịt càng gần mặt đất bao nhiêu thì càng nhiều giòi bấy nhiêu. Thế là cuộc tranh luận giữa các bác sĩ, một bên là Pouchet, Joly, Musset, bên kia là Pasteur và Biot. Cuộc tranh luận do Hàn lâm viện Khoa học Pháp triệu tập đại hội vào tháng giêng 1864 theo đề nghị của Pasteur. Cuộc họp diễn ra

tại viện Bảo tàng Lịch sử thiên nhiên trong phòng thí nghiệm Chevreul. Trong buổi họp, Pasteur tuyên bố: "Tôi xác định rằng ở bất cứ nơi nào cũng có thể lấy ra giữa khoảng không gian một thể tích không khí nhất định không có trứng, không có mầm sống và cũng không có sự sinh trưởng trong các dung dịch thối nát". Đại hội công bố rằng mọi sự xác minh chỉ cần một sự kiện, một thể mới mà thôi. Pouchet lại buộc làm lại hết các thí nghiệm. Từ đó cuộc bàn cãi trở nên sôi nổi. Không chịu thua, không thừa nhận các pháp quan do họ mong mỏi, nhóm Pouchet bỏ hội nghị ra về. Thế là kết quả các cuộc thí nghiệm của Pasteur được đem ra bàn luận trong bầu không khí căng thẳng của đại hội, nhưng các vấn đề khác được nêu ra. Có người bảo nếu tất cả đều phát xuất từ một phôi chủng thì phôi chủng đầu tiên từ đâu mà có? Pasteur nghiêm nghị trả lời: "*Mystère devant lequel, il faut s'incliner!*" (Sự huyền bí mà chúng ta phải cúi đầu ngưỡng mộ). Vấn đề nguồn gốc của vạn vật, vấn đề này tuyệt đối đứng ngoài sự khảo sát của khoa học*. Trước sự hoài nghi của một số cử tọa, Pasteur khẳng định: "*Ở đây không có một tôn giáo nào, một triết thuyết nào, không có vô thần duy vật hay hữu thần duy tâm nào đứng vững cả. Đây là vấn đề của sự kiện đã có. Tôi đã theo đuổi nó khi có kết quả là tôi đem ra tuyên bố và tôi nghĩ rằng các người theo thuyết sinh vật tự sinh* là những người đang mang dải băng trên cặp mắt*". Và, trong phòng thí nghiệm, Pasteur cũng đã nói với bạn đồng nghiệp (Nisard) rằng: "*Những sưu tầm về nguyên nhân đầu tiên không phải thuộc lĩnh vực của khoa học. Khoa học chỉ có thể biết những cái gì có thể chứng minh, những sự kiện, những nguyên nhân thứ nhì, những hiện tượng*". Ông chủ trương rằng không có vấn đề tôn giáo xâm nhập vào phạm vi khoa học và thái độ độc lập của nhà nghiên cứu khoa học là rất cần. Thật vậy, ngày nào mà nhà bác học* dựa vào một hệ thống triết học* để thực hành việc nghiên cứu thì tự nhiên người ấy không còn là nhà bác học nữa. Họ chỉ bệnh vực cho một nguyên nhân, họ không tìm ra chân lý* tự nó mà chỉ nghĩ đến sự tìm hiểu thiên nhiên. Tuy nhiên theo Đồng Tân thì ông Pasteur là nhà bác học chân chính vì ông thấy được giá trị của nguồn trí tuệ tâm linh mà chính ông đã nhờ nó mới khám phá ra được thuyết vi trùng học mà nhân

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

quan tâm thường không bao giờ thấu triệt như đã có từ thế kỷ XIX về trước với thuyết sinh vật tự sinh* vậy.

• Sion thuyết

Sionisme^F - Zionism^A - Phong trào phát sinh trong lòng Do Thái giáo* vào cuối thế kỷ XIX mang tính chính trị nhiều hơn là tôn giáo* theo lời hứa của Chúa với Abraham rằng sẽ biến xứ Canaan (*Palestine*) thành xứ sở của các dòng dõi ông. Theodor Herzl, gốc Hung Gia Lợi đã lao mình vào công tác này. Ông triệu tập một đại hội quốc tế năm 1897 và đã dấy động dư luận thế giới. Ông mất năm 1904 mà không thấy được kết quả của giáo thuyết và những cuộc vận động của ông là sự thành hình một quốc gia Do Thái vào những năm 1945-1948.

• Smith. Joseph Smith (1804 - 1844)

Giáo chủ* được xem như nhà tiên tri của giáo phái* Mormon* tại Hoa Kỳ. Nhà nghèo ở Sharon sau dọn về gần Nữ Ước. Vào khoảng 14 đến 25 tuổi ông nghe theo tiếng gọi phải chấn hưng chánh pháp Cơ Đốc giáo* và một vị thần đã cho ông những mẫu tượng hình để ông phiên dịch thành bộ Mormon xuất bản năm 1830 mà ông gọi là do ân điển* và quyền năng của Chúa. Ngồi đèn ông dựng nên tháng 4 năm 1830 mệnh danh là đền của Chúa Jésus Christ*, ban đầu có một số tín đồ, nhưng khi đến Ohio và Missouri thì ông gặp nhiều sự công kích. Ông tự nhận mình có trên 27 vợ khi ông chỉ công bố có 1 mà thôi. Tháng 2 năm 1844, ông ra ứng cử Tổng thống Hoa Kỳ nhưng đã bị dân miền Tây phản đối. Khi một số tín đồ Mormon bất đồng chính kiến ra một tờ báo chống đối sự đa thê và quyền lãnh đạo của ông thì ông ra lệnh triệt tiêu. Kết quả ông bị bắt giam cùng người anh, chính quyền Illinois hứa bảo đảm an toàn, nhưng hai anh em đã bị đám đông phần nộ sát hại tháng 6 năm 1844. Giáo phái này về sau được Brigham Young* tiếp tục với đền thờ tại Salt Lake City, tiểu bang Utah Hoa Kỳ hiện còn hoạt động tại đây.

• Sóc

Le 1er jour du mois lunaire^F - The 1st day of the lunar month^A - Có nghĩa là bắt đầu, chỉ ngày đầu tiên (*mồng 1*) của tháng âm lịch thường là ngày thiêng cũng như ngày rằm* (ngày thứ 15) gọi là

Đồng Tân

ngày vọng của truyền thống Á châu theo âm lịch.

• Socrate (470-399 trước Tây lịch)

Triết gia* Hy Lạp sinh gần Athènes năm 470 (có sách nói 368 trước Tây lịch) mất vào năm 399 trước Tây lịch. Thân sinh ông là Sophronisque, thợ điêu khắc và mẹ là Phénarite, nữ hộ sinh. Trong quân ngũ, ông chiến đấu rất hăng hái và có người kể rằng ông đã cứu sống Xénophon ở Délium và Albiciade ở Potidée. Trừ cuộc du ngoạn bất ngờ ở eo biển Corinthe, không bao giờ ông ra khỏi Athènes. Ông đã theo học những bài giảng của Credicus, của nhà toán học Théodore de Cyrène và có thể của nhà vật lý Archelse. Nhưng, như Xénophon đã nói, ông là thầy dạy của chính ông. Lời thuyết giảng độc nhất của ông là sự đối thoại. Tất cả mọi vấn đề đối với ông đều là tiền đề để giảng đạo đức*. Ông nói chuyện với từng người về những công việc rất tầm thường và rút ra từ những cuộc thảo luận này những bài học rất khích động. Người ta diễn tả Socrate luôn luôn nghị luận, mình khoác chiếc áo choàng tồi tàn, đi cùng các đường phố bằng chân không trong mọi thời tiết. Với một tính khí dững mẫn tuy bề ngoài không ra gì, chiếc mũi cong, ông không giống các nhà ngụ biện sophistes lúc bấy giờ với lối y phục sang trọng đã lôi cuốn người dân Athènes, cũng không giống các học giả ngày xưa đã chiếm giữ các phần hành quan trọng trong thành phố. Là một nhà phê bình mạnh mẽ các quan niệm nhân sinh về sự chuyên chế, một quân nhân can đảm, một người dân hảo hạng, ông tạo nên một kiểu người mới sẽ trở thành kiểu mẫu bất biến trong tương lai của một trí tuệ khác biệt. Người ta gặp triết gia mọi nơi có đám đông (quốc hội, lễ công cộng, lễ thể thao), tự giới thiệu mình như "kẻ không biết chi hết" (*celui qui ne sait rien*), hỏi han không ngớt người dân Athènes, nhất là đám trẻ, để tiêu trừ lối giáo dục không có sự suy tư đầy đủ và cổ võ sự tư duy cá nhân, dẫn chứng nơi người hùng Lachès rằng ông này không biết can đảm là gì và nơi các chính trị gia rằng họ không biết bản chất của chính trị. Sự hài hước của Socrate là như thế, không có nghĩa là giễu cợt (*moquerie*) mà là chất vấn (*interrogation*). Sự chân thật của ông khiến cho những kẻ ngụ biện*, những người dân biểu chống đối về những câu hỏi như sau: "Một sự đổ bèn mà quyết định

việc chọn lựa một quan tòa khi người ta không bỏ thăm cử người coi bánh lái thì thật là một sự ngu dốt quá đỗi". Điều này khiến ông phải đương đầu với sự chống đối của chính quyền phong kiến có đến 30 nhà chuyên chế. Khi chế độ này sụp đổ, Anytus, một nhà trọc phú, Mélitus, một thi sĩ bất tài, Lycon, một ngụ thuyết gia tố cáo Socrate như người đã hiểu sai nền tôn giáo* quốc gia và làm hư hỏng thanh niên. Ông làm cho địch thủ phải khó chịu. Ông trả lời: "Tôi đã sống đến hôm nay cuộc sống của người sung sướng nhất trên đời. Thần linh đã sửa soạn cho tôi một cái chết yên lành, cái chết mà tôi rất ước ao có được. Hậu thế sẽ chọn lựa giữa các quan tòa và tôi". 281 phiếu chống 275 phiếu buộc ông có tội. Socrate tìm hiểu về hình phạt mà ông phải chịu, và đã khời hải xin được nuôi ăn ở nghị viện. Quan tòa liền tuyên án tử hình. Các bạn ông tính chuyện đem ông đi trốn. Ông từ chối không muốn ra mặt trước người ngoại quốc. Socrate bị bắt, kêu án, trở nên người chủ trương hư hỏng của pháp luật và kẻ thù của chính quyền. Sau khi bàn chuyện với những môn đồ về thuyết linh hồn* bất tử, ông cầm lấy chén thuốc độc và đưa lên môi một cách tự nhiên. Đối với sự bênh vực Socrate trước quan tòa, sự từ chối không trốn khỏi lao tù, với cái chết minh liễu của ông, Platon* đã viết ba bài đối thoại nổi tiếng: L'Apologie, Le Criton và Le Phédon. Socrate là nhân vật lớn nhất trong nền triết học* Hy Lạp. Bởi vì ông không hề viết ra, người đời sau chỉ biết được tư tưởng của ông qua Platon, Xénophon và Aristote*. Nhưng người thứ nhất thì thêm thắt vào triết học của thầy mình, người thứ nhì thì chú trọng đến nền đạo đức thực hành trong khi Aristote còn để lại về sau những điều quý giá nhưng lại rất vắn tắt. Socrate vừa là con người thần bí*, vừa lý trí. Cái mà ông gọi là Démon thường gợi hứng cho ông mà ông thường nhắc đến đối với bản thân là sự thị hiện Thần linh* (con người đồng tử* của ông là sự kiện này - chú thích của Đồng Tân). Socrate thì quan tâm rất nhiều đến con người, đến sự suy diễn đầy suy tư của đức độ con người và những quy tắc để điều hành đạo đức. Châm ngôn của ông là: "Nosce te ipsum = Connais-toi toi-même" (Hãy tự biết lấy mình). Chỉ một sự hiểu biết căn bản này cũng đủ cho ta tạo nên một khoa học* đưa con người đến chỗ hành động đúng đắn mà phương

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

pháp là lối đối thoại có thể làm nảy ra tất cả chân lý* chung cho mọi trí thức con người. Lối đối thoại gồm có lối hài hước giải thoát con người khỏi những lầm lẫn và lối biện luận maieutique (có nghĩa là nằm cử - accoucher) có mục đích thức tỉnh các linh hồn - như ông đã nói - về sự hiểu biết tiên lập (savoir préformé) mà họ đã mang theo (có nghĩa như mang thai). Lối qui nạp đã đưa từ những nhận xét đơn giản đến những tổng luận một cách cứng rắn và lối định nghĩa cho ta biết nội dung của một sự việc những nguyên nhân tác thành chúng. Đó là phương pháp Socrate. Phương pháp này rất cần cho đạo đức bởi vì tất cả các tính tốt đều là khoa học. Muốn trở thành người đạo đức thì phải biết những gì mình đang làm, chỉ cần tìm biết lấy nó. Con người chỉ đứng đắn khi họ biết được sự đứng đắn là gì. Không ai tự nhiên muốn mình là độc ác. Đức hạnh là khoa học* của điều thiện. Rất khó có được khoa học này nếu không áp dụng lấy nó. Socrate đã lãnh đạm với những vấn đề vật lý khởi lên từ những nhà vật lý Hy Lạp mà chỉ quan tâm đến đạo đức con người. "Socrate đã đem nền triết học từ trên trời xuống đất", Cicéron đã nói, và Đồng Tân cũng đã nhận thấy như thế trong khi đàm đạo về Độ nông của triết học Tây phương vào thế kỷ XX với giáo sư tiến sĩ Jeremy Davidson năm 1974 còn ghi trong tác phẩm triết học Bản Thể Luận* (xuất bản tại Sài Gòn năm 1975, tái bản tại Melbourne năm 1999).

• song tu tánh mạng

La régénérescence simultanée du corps et de l'âme^F
- *The regeneration of both body and soul^A* - 變修性命 - Vừa dọn mình trong sạch vừa tịnh luyện* thân tâm trong công trình tu học theo tâm pháp để đạt đạo nhiệm màu theo Cao Đài giáo* - phần Vô Vi*.

• Soufis thuyết

Soufisme^F - Sufism^A - Tiếng Ả Rập, souf là mũ thầy tu bằng len, thứ để cho những tín đồ giáo phái* này đội đầu tiên. Đây là một trào lưu mà người Hồi giáo* gọi là thần bí* để chống đối duy lý luận* và chủ nghĩa hình thức, luật lệ của những nhà bác học*. Không hoàn toàn là một giáo phái bởi người ta tìm thấy nhóm này không phải chỉ có trong giáo phái Chiites* mà cả trong giáo phái Sunnites*. Tuy

nhien Soufis giáo đã phát sinh tại Ba Tư, nơi mà nó đã chịu ảnh hưởng của tất cả các nền triết học* và tôn giáo* mà trong nhiều thế kỷ trước Hồi giáo đã hội nhập như phái Tân Platon*, Phật giáo*, Ấn Độ giáo*, Cơ Đốc giáo* và Mahavira giáo*. Con đường tu học này tìm sự thương yêu Thượng Đế*, và sự tịnh luyện* có thể đem đến sự xuất hồn bất nguồn từ sự thiên định* và khổ hạnh. Sự tân kỳ của phong trào này thường được biểu thị trong thi ca và hình ảnh, nhưng sắc thái tâm truyền của nó đã bị nghi ngờ qua nhiều thời đại và nó đã phải chịu nhiều cuộc tàn sát. Al Ghazali cố đem nó vào nền Thần học* của kinh Coran* mà không bị trở ngại vì đức tin* nó đã được lan truyền sang Âu châu.

• số kiếp

destin^F - destiny^A - 數劫 - Thường chỉ phần không may của con người qua những hậu quả mà tự con người không làm ra, có thể là do những tích lũy từ kiếp* trước những tội lỗi mà họ đã tạo nên một sự vay trả theo luật Trời* không tránh khỏi. Phật giáo* thì gọi đó là nghiệp căn* phải gánh chịu của con người.

• số mệnh

destinée^F - fate^A - 數命 - Định mệnh tự vô hình buộc con người trong những sự kiện cố định. Theo Tây phương thì số mệnh là một tập hợp của những biến cố xảy đến cho một người. Tùy theo những sự cố này có theo ý chí* của người hay không, người ta phân biệt: 1- số phận (*la destination*) là tính chất của cá nhân, luật lệ của cá tính họ, sự cảm hứng, vắn tắt là những ràng buộc nội tại, 2- số kiếp* (*le destin*) là cái gì do ngoại cảnh đưa đến cho họ, những bi kịch xưa (*nhất là những bi kịch Eschyle và Oedipe, vua xứ Sophocle*) diễn tả một loại tín ngưỡng* căn bản vào một vận mệnh* tác dụng vào tất cả hoạt động của con người, và người ta có thể nói rằng tất cả vấn đề về cuộc sống con người là sự liên kết với số kiếp của họ, biến số kiếp thành số phận riêng của mỗi người. Oedipe bị mù tìm thấy sự sáng suốt nội tâm khi nó nhận biết rằng tất cả đều tốt và trật tự chung đã hoàn thành. Bởi hạnh phúc chân thật của con người là có thể tự thực hiện nơi họ nhân dịp các sự cố đến với họ và khai thác những chiều hướng của ý chí và nhìn nhận trong những điều xảy ra dấu hiệu của số mệnh

Đồng Tân

nơi họ. Các tôn giáo* đều nói đến số mệnh của con người mỗi nơi mỗi khác. Tùy theo giáo thuyết, họ có thể xem con người là một chứng nhân của số mệnh. Với Phật thì nghiệp báo tạo ra số mệnh, Cơ Đốc giáo* thì buộc số mệnh con người vào tội tổ tông. Cao Đài giáo* cho rằng con người đã mang theo số mệnh mà họ đã khởi đầu từ kiếp* trước, sẽ được hoàn thiện hay u trầm đều do tâm tư và ý chí của họ ở hiện kiếp.

• sông mê

fleuve des ténèbres^F - river of darkness^A - Phật giáo* cho rằng đời là bể khổ* mà thế gian là một sông mê ý nói sự cùng cực đen tối do xuất phát từ vô minh* mà ra. Tuy nhiên, nếu thật sự là như thế thì làm sao có được một tập thể trí thức tạo nên cuộc sống vật chất mỗi ngày một tăng trưởng góp vào cuộc sống văn minh* trên quả địa cầu* này trong khi các hàng giáo phẩm* tôn giáo* đã có làm gì hơn cho cuộc sống chung thiên hạ nếu không muốn nói là họ vẫn giam chân tại chỗ sau khi các ngài giáo chủ* lìa đời. Cho nên cảnh khổ hay sự đen tối là do tự một số người - những thành phần mê muội vì vật dục tội lỗi - chứ không phải tất cả thiên hạ hay tại quả địa cầu này khi nó đang hoạt động theo luật thiên nhiên góp công vào sự trường tồn của Vũ trụ trong đó có sinh vật loài người. Cho nên, Cao Đài giáo* cho rằng thế gian là trường tấn hóa cho mọi chơn hồn tìm về cực vị* chứ không thể gọi là sông mê được.

• số

placet à Dieu^F - placet to God^A - 疏 - Một trình văn được vị chức sắc* khởi thảo theo mẫu đã định với nội dung dâng lên Thượng Đế* hay các đấng Vô hình để xin ý kiến về một vấn đề mà thế gian không giải quyết được. Trình văn về việc tang tế thì gọi là điệp. Trong Cao Đài giáo*, lá số được Hội Thánh* dâng lên tại Bửu Điện* trong một lễ cúng* bằng cách đốt nó sau khi tuyên đọc hay mặc niệm tùy theo đạo sự công khai hay kín nhiệm rồi đốt đi với hy vọng sẽ được giải đáp trong một kỳ đàn cơ* sắp tới bất hoặc tại đâu. Sự kiện này chính Đồng Tân đã xác quyết tính màu nhiệm* của nó trong thời gian làm đồng tử* tại Hội Thánh Cao Đài miền Trung những năm chiến loạn 1947-1949 tại Quảng Nam. Lá số do Hội Thánh dâng lên tại sở nông

Phước Hội thì được Vô hình giải đáp ngay trong đêm sau đó tại Thánh Thất Trung An, nơi ban Nội Tá Hiệp Thiên Đài* mà Đồng Tân đang hành sự trong công trình biên soạn một tác phẩm triết học* mới qua cơ bút* hằng đêm tại đó. Hai nơi cách nhau hai ngày đường núi miền Trung du Quảng Nam. Trong thời gian hành sự phò loan*, Đồng Tân đã tiếp được hai lần số, một lần ban lệnh triệu tập đại hội thành lập Cơ quan Truyền giáo miền Trung dù trở ngại giao thông giữa các tỉnh liên hệ, một lần tự mình thấy rõ ảnh Thiên Nhân* hiện ra trước mắt đầy hào quang cách khoảng ba mét trước khi ngồi vào ghế hành sự trước Bửu Điện Thánh Thất Trung An miền núi Quảng Nam năm 1947 đương thời chiến tranh Pháp Việt.

• Spinoza. Baruch Spinoza (1632 - 1677)

Triết gia* Hòa Lan. Con của một thương gia Do Thái ở Amsterdam, ông học rất giỏi. Thái độ nghiêng về tự do đối với các thực hành tôn giáo* đã đưa ông đến chỗ bị đuổi ra khỏi Giáo hội Do Thái. Chính trong những môi trường Cơ Đốc giáo* mà ông đã tìm ra những bậc thầy đem ông vào ngành khoa học: y sĩ Van den Enden đã dạy ông về vật lý, hình học và triết học Descartes*. Lãnh hội triết học Descartes, ông trở về ngoại ô rồi tại La Haye, ông hiến dâng cuộc đời cho sự tu luyện, vừa kiếm ăn bằng cách đánh bóng các khuôn kính. Tác phẩm chính của ông *Éthique* (1677) là một chủ thuyết suy lý tuyệt đối, một triết thuyết không có tính bí nhiệm. Sự cứu rỗi là việc khả dĩ bởi linh hồn* các con chiên đã chia sẻ tội tổ tông* theo sự giải thích thần linh*. *Éthique* không chỉ là một tham luận về Chúa mà cũng là một tham luận về con người để phân tích linh hồn họ những tình cảm và những dục vọng, tất cả những sự cố liên quan đến con người. Cái uẩn khúc này có chủ đích nhằm cho ra một nền giáo dục cá nhân cụ thể, đưa họ đến chỗ tự biết mình với độ sâu của tư tưởng họ về sự hiện diện của Chúa nơi họ. Sự khó khăn của triết thuyết này bắt nguồn từ cái mà Spinoza luôn luôn tự đặt mình về phương diện Chúa hay đạo đức. Fichte* và Hegel* lại trách ông rằng đã trình bày chân lý* nhưng không làm cho người ta hiểu nó. Nhưng chính thuyết Phiếm Thần luận này trong nhiều thế kỷ đã khơi động trí tưởng tượng của

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

những nhà tư tưởng lớn, làm phong phú các nền triết học của Fichte, của Schelling, của Hegel, khích lệ hầu hết các sử gia của triết học. Ông còn viết nhiều tác phẩm khác: Tham Luận Thần Học Chính Trị (1670), Tham Luận ngắn về Chúa và về Bản Chất của Ngài gọi tắt là Tham Luận ngắn (1677), Tham Luận về sự Cải Cách phần Nhận Định, Các Nguyên Lý của nền Triết Học Descartes và các Tư Tưởng Siêu Hình (xuất bản sau khi chết). Ông bị bệnh lao và mất năm 1677 khi mới 44 tuổi. Nói chung tư tưởng của ông đã làm phần nộ nhữn người Cơ Đốc với thái độ chống Chúa và họ đã buộc tội ông là kẻ vô thần và theo phái Epicure*, nhất là tư tưởng tự do tôn giáo* và khoa học*.

• Sujata

Sujata^P - Người con gái tại trúc viên Uruvela đã dâng cho thái tử Siddhartha* bát sữa để tăng cường sức khỏe cho ông sau thời gian khổ hạnh trong 49 ngày tham thiền dưới gốc bồ đề để chứng quả vô thượng giác và trở thành Phật Thích Ca*.

• Sumer-giáo

religion des Sumeriens^F - *Sumerian religion*^A - Sumer là một lãnh thổ cách đây 4000 năm trước Tây lịch của giống dân Ubaidien vùng Tây Á sau này là vùng Babylone. Lãnh thổ này đã bị thiên di nhưng nhiều dấu tích thành thị và nhất là lối văn tự hình nên thông dụng tại vùng Trung Đông trong suốt 2000 năm. Nhất là tôn giáo* vùng này còn để nhiều dấu tích trong các cổ giáo ở Babylone. Họ tin rằng vũ trụ được cai quản bởi một điện thờ gồm nhiều sinh vật hình người nhưng bất diệt và có một năng lực siêu đẳng. Các sinh vật này vô hình đối với phàm nhân đang hướng dẫn và kiểm soát vũ trụ bằng một đồ biểu và luật pháp. Họ tin vào bốn lãnh chúa được xem như là các Đấng Hóa Công. Đó là An - Thần bầu trời, Ki - nữ Thần* mặt đất, Enlil - Thần không khí và Enki - Thần nước. Bầu trời, mặt đất, không khí và nước được xem là bốn thành phần chủ yếu của vũ trụ do một định luật của Thần linh* gọi là "Me" cai quản tạo nên cuộc sống chung của vũ trụ mà tất cả phải tuân theo. Ngoài ra còn có ba vị Thần Nanna - Thần mặt trăng, Utu - Thần mặt trời và Inanna - nữ Thần bầu trời cũng là nữ Thần của tình yêu và của chiến tranh. Nanna lại là cha của Utu và Inanna. Còn

nhieu vị Thần khác quản nhiệm sông hồ, núi non, đồng áng, thành thị và cả nông trại. Người Sumer tin rằng loài người đã được tạo ra bằng đất sét với mục đích chu cấp thức ăn nước uống và là nơi nương tựa để cho chư Thần rảnh rỗi lo nhiệm vụ mình. Cuộc sống được xem như là sở hữu quý giá nhất của con người nhưng cũng là vô thường* và bất an, do đó khi chết* họ phải tin rằng linh hồn* họ sẽ xuống một thế giới thấp hơn, ở đó cuộc sống sẽ khốn khổ hơn trên mặt đất. Trên đây là sự tìm hiểu của Funk and Wagnalls New Encyclopedia. Tạp chí Pháp Les Collections de l'Histoire số 22 xuất bản tháng 1-2004 còn cho biết: "*Chúng ta có nợ với dân Sumer chữ viết, quan niệm về thế giới thần linh, các thành phố đầu tiên. Nền văn minh Tây phương thật sự đã phát sinh từ vùng Lưỡng Hà châu cách đây khoảng năm ngàn năm. Nhà đại sử gia tôn giáo Jean Bottéro kể cho chúng ta biết từ đâu số kiếp của thế giới tân tiến ngày nay đã được tán thưởng giữa hai con sông Tigre và Euphrate (Nous devons aux Sumériens l'écriture, notre conception du monde divin, les premières villes. La civilisation occidentale est sans doute née en Mésopotamie, il y a près de cinq mille ans. Le grand historien des religions Jean Bottéro nous raconte comment le destin du monde moderne s'est joué entre le Tigre et l'Euphrate)*". Theo đó, không cần nói nhiều, chỉ cần tìm hiểu truyền thống tổ chức xã hội của dân Sumer với chế độ phụ hệ mà vai trò người đàn bà Sumer trong gia đình không khác người đàn bà Cổ Trung Hoa mà hệ thống đạo học* Đông phương* đã thể hiện rõ rệt với khuôn khổ tam tưng* tứ đức* của Nho giáo*... Như vậy, kể từ vào thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, Thượng Đế* đã bố hóa* nhân loại một cuộc sống khởi đầu công cuộc văn minh* ngày nay mà các nhà sử học* đã tìm ra như thế, vậy chu trình tiến hóa của nhân loại trong ba kỷ nguyên Nhứt Kỳ*, Nhị Kỳ* và Tam Kỳ* hiện nay đã trải dài từ cách đây hàng năm ngàn năm, thiết tưởng với thức giới của hàng đại căn* được xác minh trong lịch sử nhân loại như thế không phải là không thực tế vậy.

• Sùng Hưng Tự

Tên một ngôi chùa Phật thuộc Minh Đường* dưới chân núi Dương Đông* tại đảo Phú Quốc, nơi Quan phủ Chủ quận Ngô văn Chiêu đến mượn chỗ cầu

Đồng Tân

tiên* kể từ 1920 đến 1924 để cầu đạo và tu học dưới sự chỉ dẫn của Đức Cao Đài*.

• Sunnites-giáo

religion des Sunnites^F - Sunni Islam religion^A - Trong Hồi giáo*, tập thể những người theo phái chính thống bởi họ chấp nhận rằng sunna (đường hướng phương pháp sống của Thiên sứ Mahomet) có một giá trị tương đương với giá trị kinh Coran*. Họ trung thành với những môn đệ trực tiếp của ngài và cho rằng sự đề cử những giáo trưởng đầu tiên trong vòng bộ hạ trung thành của Mahomet* thì mới phải đạo. Điều này làm cho họ đối lập với nhóm Alida, bè phái của Ali* vốn là rể bà con cô cậu với Mahomet mà sau này lập ra Chiites giáo phái*. Những người Sunnites chia ra bốn lễ nghi* hay phương pháp chỉ nhấn mạnh vào những chi tiết và dựa trên luật pháp của kinh Coran. Họ rải rác trong thế giới Hồi giáo Đông phương*.

• Suzuki. Daisetz Teitaro Suzuki

(1870 - 1966)

Nhà sư Nhật Bản tác giả bộ sách Thiền Luận Phật giáo (hai tập) do Trúc Thiên phiên dịch, nhà xuất bản Đại Nam ấn hành trong đó có lời đức Thích Ca* buổi sinh tiền đã giảng cho A Thuyết Thị (Asvajit), người môn đệ đầu tiên bằng thổ âm dịch ra Việt ngữ là "Vạn hữu phát sinh từ một Nguyên nhân*" mà các tu sĩ* Phật giáo* Việt Nam sau đó suy diễn thành "chư pháp nhân duyên sanh cũng do nhân duyên diệt" một cách chủ quan mang tính phạm tục.

• sứ mạng

mission^F - mission^A - 使命 - Bồn phận* được hiểu theo nghĩa thiêng liêng* và bao quát hơn. Đối với cá nhân thì dùng bồn phận mà khi giao trách nhiệm cho một tập thể thì dùng sứ mạng. Thế nên, sứ mạng được giao phó cho một người trong một phần hành của quốc gia hay xã hội quốc tế. Đây là một vấn nạn mà các học giả Tây phương thường thắc mắc về sự hiện diện của con người trên mặt đất này có ý nghĩa gì và để làm gì, từ đó nêu ra vấn đề sứ mạng. Nhiều triết giả triết học* cũng như tôn giáo* đã tranh luận về đề tài này nhưng vẫn chưa có câu giải đáp thích đáng. Năm 1970, một sinh viên kỹ giả Hoa Kỳ Ted Dutton, thuộc đại học Syracuse

vốn người Tin Lành đã đến Việt Nam trong công trình tạo dựng một luận án cho cấp bằng Tiến sĩ của ông đã phỏng vấn Đồng Tân 31 câu hỏi về Cao Đài giáo*, trong đó có câu: "Con người sinh ra có sứ mạng không? Sứ mạng con người là gì?". Tôi không ngần ngại dùng nguyên văn câu mà Vô hình đã nói với tôi trong khi tôi đang ngồi giảng bài cho học sinh tại một trung học ở Sài Gòn năm 1960, trước đó 10 năm: "Con người sinh ra có sứ mạng. Sứ mạng con người là cảm thông trong Tiềm Lực Thiên Nhiên* cuộc sống bất diệt của Vũ trụ*". Sau đó, Dutton có hỏi tôi câu giải đáp này trong sách nào? Ở đâu? Tôi cười đáp: "Đó là câu Vô hình nói trực tiếp cho tôi nghe chứ không qua một người nào hay tác phẩm nào dù xưa hay nay cả", bởi chính ông đã tìm tôi mà không có một đại học nào tại Hoa Kỳ giải đáp. (Muốn rõ hơn xin xem sách Tìm Hiểu Đạo Cao Đài* của Đồng Tân tái bản 1999 tại Australia).

• sử dụng phạm trần

rôle séculier^F - secular role^A - 使用凡塵 - Các phần của giáo pháp được đem ra ứng dụng trong cuộc sống thế gian hằng ngày của tín đồ.

• sử học

histoire^F - history^A - 史學 - Kiến thức về quá khứ của loài người, diễn tiến hiện tại của cuộc sống loài người. Theo nghĩa hần nhiên, lịch sử là kiến thức về nguồn gốc và sự tiến hóa của nhân loại, nói riêng của các dân tộc và quốc gia. Vấn đề căn bản đặt ra cho đề tài lịch sử là xem thử nó có thể mang hình thức của một khoa học*: 1- Sử học thuần túy, như người ta hiểu từ xưa, có thói quen là chỉ so sánh các biến cố, nghĩa là những sự kiện độc nhất không lặp lại, thường liên hệ đến sự hiện hữu của các nhân vật lịch sử "Những vị quan hầu cận Napoléon thăm dò khí sắc của ông để biết vận mệnh thế giới". Đây chỉ là những nhận định không khoa học. 2- Khoa học tự định nghĩa như một kiến thức các định luật. Một sự phân tích tân kỳ của sử học đã khám phá một cách xác định những luật lệ đã vượt qua mọi ý chí* cá nhân. Đó là quan niệm gọi là xã hội của sử học. Trong tác phẩm Chiến Tranh và Hòa Bình, Tolstoi* chứng tỏ rằng Koutouzov không chịu tạo ra một sáng kiến nào của cá nhân để các luật xã hội tác dụng mà con

người thật ra cũng chỉ là những đồ chơi. Còn phiên diện như Marx* thì lại tìm trong các cấu trúc kinh tế của một quốc gia, luật lệ về tương lai chính trị và xã hội của nó thì chỉ là một sự ngộ nhận phản khoa học. Nói cách khác, kiến thức sử học của một thời đại cần đến các sự kiện đã đánh dấu nó một sự cảm thông, một sự hiểu biết nội tại về hoàn cảnh, về môi trường nhân sự tại đó. Thế nên sử gia là một thông ngôn hơn là một nhà bác học*. Theo nghĩa ứng dụng, sử học hiện thời đặt vấn đề theo toàn cảnh (*prospective*). Đó là vấn đề mà các nhà cai trị của một quốc gia thường gặp để dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sự mở mang và phân phối kinh tế của quốc gia đó theo khuynh hướng dân tộc, mà chỉ có những kiến thức phụ thuộc vào những sự kiện của quá khứ, các luật lệ kinh tế, những thực chất tâm lý và nhân bản mới có thể cho vào toàn cảnh đó một giá trị khách quan.

• Sử Ký

Oeuvre d'histoire de Chine^F - Records of the Grand History^A - Tác phẩm của Tư Mã Thiên* gồm 130 thiên tổng kết 3000 năm lịch sử của Trung Hoa, chép từ đời Hoàng Đế* cho đến đời Hán Vũ Đế. Sách chia làm 5 phần: 1- Bản kỷ: 12 thiên, chép các triều vua theo lối biên niên, 2- Biểu: 10 thiên, chép các quan hệ giữa các đế vương và chư hầu, 3- Thư: 8 thiên, chép các mặt kinh tế văn hóa, 4- Thế gia: 30 thiên, chép sự hưng vong của các vương quốc và chư hầu, 5- Liệt truyện: 70 thiên, chép tiểu sử các nhân vật... (*nguyên bản về sau thất lạc 10 thiên*). Toàn bộ Sử Ký bao gồm các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, quan hệ giữa các dân tộc, miêu tả đủ hạng người thuộc mọi giai cấp trong xã hội. Tư Mã Thiên phải mất 20 năm mới hoàn thành tác phẩm có một không hai này mà các thức giả Trung quốc đều ngưỡng mộ tài năng xuất chúng của tác phẩm sẽ là mẫu công trình văn học tiêu biểu cho mọi thế hệ tương lai.

• sử tính

historicité^F - historicity^A - 史績 - Tính chất của cái gì là lịch sử. Vấn đề siêu hình của sử tính là biết tại sao loài người sinh ra, phát triển và chết*. Bergson* đã đem nó vào cuộc sống chung, đang nảy nở và chia ra từng cá nhân như cuộc sống của một cái

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

cây nở ra các cành lá sẵn sàng mất hút đi theo từng mùa, nhưng tự phát triển rất tốt ở bên kia cuộc sống của chúng. Heidegger* thì đồng hóa nó với cứu cánh của loài người. Và tất cả triết học* của nó là tìm hiểu cuộc sống của con người khởi đầu từ sử tính nguyên thủy, về cảm tính của một hiện hữu thoáng qua và sẵn sàng để chết.

• Syrie - giáo

Xem Druze giáo.

